

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày: 23 - 9 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2021/TLST-DS, ngày 24 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Đại H, sinh năm 1973 – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M.

Địa chỉ thường trú: phường Phương S, TP. N, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên hệ: khóm N, phường K, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- ***Bị đơn:*** 1/ Anh Hồ Sơn H, sinh năm 1978 (có mặt).

2/ Chị Dương Thị Tuyết L, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm N, phường K, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2021 của nguyên đơn ông Trần Đại H, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trước đây ông Trần Đại H có bán thức ăn và thuốc thủy sản cho vợ chồng anh Hồ Sơn H, chị Dương Thị Tuyết L. Việc mua bán hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói mà không có lập thành văn bản, nhưng khi mua bán có thông qua sổ giao nhận hàng. Theo thỏa thuận, bắt đầu từ 17/4/2014 ông H bán thức ăn và thuốc thủy sản cho anh Sơn H và chị L. Việc giao nhận hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc anh Sơn H, chị L hoặc người nhà đến lấy hàng tại kho của ông H. Đồng thời, anh Sơn H, chị L tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, anh Sơn H và chị L phải thanh toán hết tiền hàng cho ông H. Trường hợp xét thấy công nợ cao, anh Sơn H và chị L vẫn không thanh toán tiền hàng thì ông H có quyền cắt hàng và đề nghị vợ chồng anh Sơn H, chị L thanh toán hết số tiền hàng còn nợ. Trong quá trình thực hiện giao dịch, ông H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của anh Sơn H, chị L. Sau khi nhận hàng vợ chồng anh Sơn H không có khiếu nại hay ý kiến gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa. Ông H đã thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng vợ chồng anh Sơn H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 29/11/2019, anh Sơn H lấy đợt hàng cuối và ông H báo số tiền mà vợ chồng anh Sơn H còn nợ là 1.516.371.000 đồng và anh Sơn H đồng ý ký xác nhận vào sổ giao nhận hàng. Ông H đã cắt việc giao hàng cho vợ chồng anh Sơn H là sau ngày 29/11/2019.

Đến ngày 31/12/2019, vợ chồng anh Sơn H có trả cho ông H số tiền là 80.000.000 đồng, ngày 23/10/2020 trả 100.000.000 đồng và có ký xác nhận. Do đó, số tiền mà vợ chồng anh Sơn H, chị L còn nợ lại ông H là 1.336.371.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 23/10/2020 đến ngày 15/4/2021 là 64.103.092 đồng. Mặc dù, ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh Sơn H, chị L trả tiền hàng còn nợ và lãi nhưng đến nay anh Sơn H, chị L vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Hồ Sơn H và chị Dương Thị Tuyết L trả cho ông H số tiền còn thiếu 1.336.371.000 đồng. Đồng thời, ông H xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi suất đối với vợ chồng anh Sơn H, chị L với số tiền là 64.103.092 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2021 và tại phiên tòa, bị đơn anh Hồ Sơn H trình bày:

Anh thừa nhận là vợ chồng anh có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Trần Đại H và còn nợ ông H số tiền 1.336.371.000 đồng đúng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông H. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán cho ông H được.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/9/2021, bị đơn chị Dương Thị Tuyết L trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của chồng chị là anh Hồ Sơn H và cam kết không có khiếu nại gì về sau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng đối với bị đơn chị Dương Thị Tuyết L có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu là 1.336.371.000 đồng. Buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi suất đối với các bị đơn là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận; tại phiên tòa, bị đơn chị Dương Thị Tuyết L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 17/4/2014, nguyên đơn ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang Minh có thỏa thuận bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho bị đơn vợ chồng anh Hồ Sơn H, chị Dương Thị Tuyết L, hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc vợ chồng anh Sơn H, chị L hoặc người nhà của anh Sơn H đến lấy hàng tại kho của ông H. Khi kết toán lại, vợ chồng anh Sơn H, chị L còn nợ ông H số tiền 1.336.371.000 đồng và hai bên có ký đối chiếu xác nhận nợ và anh Sơn H thừa nhận mà không phản đối, tình tiết nêu trên nguyên đơn không phải chứng minh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2021 và tại phiên tòa, bị đơn anh Hồ Sơn H đã thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và thừa nhận là có mua thức ăn, thuốc thủy sản của ông H và còn thiếu ông H tổng số tiền là 1.336.371.000 đồng.

[3] Mặt khác, tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/9/2021 của bị đơn chị Dương Thị Tuyết L trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chồng chị là anh Sơn H và cam kết không có khiếu nại gì về sau.

[4] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [2] và [3], Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng anh Hồ Sơn H, chị Dương Thị Tuyết L trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu 1.336.371.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và cần buộc bị đơn anh Sơn H, chị L liên đới trả số tiền nêu trên cho ông H là đúng với quy định của pháp luật.

[5] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng anh Hồ Sơn H, chị Dương Thị Tuyết L phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Xét lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M, về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Hồ Sơn H, chị Dương Thị Tuyết L trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu là 1.336.371.000 đồng.

Buộc bị đơn vợ chồng anh Hồ Sơn H, chị Dương Thị Tuyết L liên đới thanh toán số tiền 1.336.371.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi một ngàn đồng*) cho ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng anh Hồ Sơn H, chị Dương Thị Tuyết L phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn vợ chồng anh Hồ Sơn H, chị Dương Thị Tuyết L phải liên đới chịu số tiền 52.091.130 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.045.565 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009513 ngày 24/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với bị đơn chị Dương Thị Tuyết L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua